

**Bản án số: 72 /2016/HSST  
Ngày: 13/12/2016**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU  
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Văn Hiến
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Huỳnh
2. Bà Hoàng Thị Lan

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* bà Trịnh Thị Phương Thảo  
– Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên  
tòa:* bà Lương Thị Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2016, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa -  
Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 70/2016/HSST ngày  
28/10/2016 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Giao T.** - Sinh năm 1989 tại Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt  
Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa. Thường trú: Thôn Q, xã X, huyện  
C, tỉnh BR-VT; Chỗ ở: Như trên; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Làm  
rẫy.

Họ tên cha: Nguyễn Văn L; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị L.

Anh chị em ruột: Có 05 người, bị can là con lớn nhất trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giam ngày: 16/6/2016

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

**2. Nguyễn Tuấn K** - Sinh năm 1974 tại Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam;  
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Thường trú: Thị trấn N, huyện C, tỉnh BR –  
VT; Chỗ ở: Như trên; Trình độ văn hoá: 5/12 - Nghề nghiệp: Làm biển.

Họ tên cha: Nguyễn B; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị P.

Anh chị em ruột: Có 07 người, bị can là con lớn nhất trong gia đình

Vợ: Huỳnh Thị Mỹ V - Sinh năm 1975: Cùng là bị cáo trong vụ án

Con: Có 02 người con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2004

Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giam ngày: 16/6/2016

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

**3.Vũ Tuấn K** - Sinh năm 1992 tại Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa. Thường trú: xã Bì, huyện C, tỉnh BR-VT; Chỗ ở: Như trên; Trình độ văn hoá: 10/12 - Nghề nghiệp: Làm nghề tự do.

Họ tên cha: Vũ Hồng D; Họ tên mẹ: Phan Thị H.

Anh chị em ruột: Có 03 người, bị can là con út trong gia đình.

Vợ: Nguyễn Thị Ngọc H - Sinh năm: 1993 - Ng/nghiep: Phụ bán nhà thuốc.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa

**4.Huỳnh Thị Mỹ V** - Sinh năm 1975 tại Bình Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo. Thường trú: Thị trấn N, huyện C, tỉnh BR – VT; Chỗ ở: Như trên; Trình độ văn hoá: 5/12; Nghề nghiệp: Nội trợ.

Họ tên cha: Huỳnh Đình L; Họ tên mẹ: Đỗ Thị C.

Anh chị em ruột: Có 07 người, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình

Chồng: Nguyễn Tuấn K - Cùng là bị cáo trong vụ án

Con: Có 02 người con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2004

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa

*Người bào chữa:*

1.Luật sư Thái Văn Minh-Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Giao T. (Có mặt);

2.Các luật sư: Võ An Đôn và Nguyễn Khả Thành-Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Tuấn K. và Huỳnh Thị Mỹ V. (Có mặt);

3.Luật sư Vũ Anh Thao-Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bào chữa cho bị cáo Vũ Tuấn K. (Có mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1975; HKTT: Đường T, phường M, Thành phố V-(Có mặt);

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1993; HKTT: Thôn X, xã S, huyện C, tỉnh BR-VT-(Có mặt);

3. Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 2000; HKTT: Thôn X, xã S, huyện C, tỉnh BR-VT-(Có đơn xin xét xử vắng mặt);

*Người giám hộ cho Nguyễn Thanh S: ông Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Thị Bích H; HKTT: Thôn X, xã S, huyện C, tỉnh BR-VT (là cha mẹ của S)-(Vắng mặt);*

4. Chị Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1997; HKTT: Thôn X, S, huyện C, tỉnh BR-VT-(Có mặt);

5. Anh Võ Văn L, sinh năm 1991; HKTT: Thôn X, xã S, huyện C, tỉnh BR-VT-(Có mặt);

6. Anh Nguyễn Văn Minh N, sinh năm 2001; HKTT: Thôn Q, xã S, huyện C, tỉnh BR-VT-(Vắng mặt);

*Người giám hộ cho Nguyễn Văn Minh N: ông Nguyễn Văn L. và bà Nguyễn Thị L; HKTT: Thôn Q, xã X, huyện C, tỉnh BR-VT (là cha mẹ của N)-(Có mặt);*

7. Anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1995; HKTT: Thôn Q, xã X, huyện C, tỉnh BR-VT-(Có mặt)

8. Anh Nguyễn Huỳnh L, sinh năm 2002; HKTT: Thị trấn N, huyện C, tỉnh BR-VT-(Có đơn xin xét xử vắng mặt);

9. Anh Nguyễn Huỳnh S, sinh năm 2004; HKTT: Thị trấn N, huyện C, tỉnh BR-VT-(có đơn xin xét xử vắng mặt);

*Người giám hộ cho Nguyễn Huỳnh L và Nguyễn Huỳnh S: ông Nguyễn Tuấn K và bà Huỳnh Thị Mỹ V; HKTT: Tổ 13, khu phố 6, thị trấn N, huyện C, tỉnh BR-VT. (là cha mẹ của L và S, đồng thời là bị cáo trong vụ án).*

10. Chị Nguyễn Đoàn Trà M, sinh năm 1987; HKTT: Thôn X, xã S, huyện C, tỉnh BR-VT-(Có mặt);

11. Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1993; HKTT: thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định; chỗ ở: Thị trấn N, huyện C, tỉnh BR-VT(Vắng mặt);

12. Anh Trần Quốc P, sinh năm 1989; HKTT: Thôn Q, xã X, huyện C, tỉnh BR-VT-(Có mặt);

13. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1992; HKTT: Thị trấn N, huyện C, tỉnh BR-VT-(Có đơn xin xét xử vắng mặt);

14. Chị Nguyễn Bảo T, sinh năm 1986; HKTT: Khu phố 3, phường T, Quận X, Thành phố H - (Có mặt);

15. Anh Lê Thành L, sinh năm 1988; HKTT: Đường N, phường T, Quận M, Thành phố H- (Có mặt);

16. Anh Nguyễn Bảo S, sinh năm 1986; HKTT: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ - (Có mặt);

17. Chị Phạm Thị T, sinh năm 1989; HKTT: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ - (Có mặt);

18. Chị Trần Như N, sinh năm 1989; HKTT: đường N, phường N, quận T, Thành phố H-(Có mặt);

19. Chị Nguyễn Thanh Mỹ K, sinh năm 1985; HKTT: Khu phố P, Thị trấn P, huyện H, tỉnh Bình Thuận-(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

### **NHẬN THẤY:**

Cáo trạng số 67/VKS-P1 ngày 24/10/2016 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu truy tố hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

Năm 2013, Nguyễn Giao T. xuất cảnh trái phép sang Australia nhưng bị chính quyền Australia bắt giữ và trục xuất về nước. Do không có việc làm ổn định, thu nhập thấp, T. đã tìm hiểu và biết được Newzealand có thể có việc làm với thu nhập cao và có thể còn nhận người tị nạn, nên T. đã bàn bạc và thống nhất với vợ chồng Huỳnh Thị Mỹ V. và Nguyễn Tuấn K. về việc tổ chức đưa người trốn đi Newzealand. Theo đó, ngoài việc cùng nhau lôi kéo người đi, riêng T. sẽ chuẩn bị các điều kiện về lương thực, vật dụng, dầu máy... còn vợ chồng V - K (vốn là chủ ghe trước đây) sẽ lo kiếm ghe, đồng thời K sẽ làm tài công cho chuyến đi.

Thực hiện kế hoạch, T đã trực tiếp rủ rê, lôi kéo bạn bè, người thân trên địa bàn huyện C. và bạn của T. ở TP. Hồ Chí Minh là Vũ Tuấn K. T. cũng đề nghị K. rủ thêm người tham gia trốn đi Newzealand với chi phí là 110 triệu đồng/người. K. đã rủ thêm được 05 người nhưng do hai người không đủ tiền đóng nên T. chỉ thu được số tiền là 380 triệu đồng. Cùng với số tiền thu được của 02 người bạn của T. là Trần Quốc P. và Võ Văn L. được 70 triệu đồng, tổng cộng số tiền T. thu được là 450 triệu đồng.

Mặc dù trước đây, gia đình K. có cặp ghe đánh bắt hải sản nhưng đã bán, không có ghe làm phương tiện trốn đi Newzealand, do vậy, đầu tháng 5/2016, K. rủ T. tìm cách kiếm ghe làm phương tiện. Mặc dù biết nếu chuyển đi trót lọt, chiếc ghe vẫn sẽ bị tịch thu. Tuy nhiên, số tiền thu được chỉ đủ để mua vật dụng cho chuyến đi, không đủ tiền mua ghe nên T. đã thống nhất với K. đi thuê ghe.

Ngày 11/5/2016, K. đại diện ký hợp đồng với ông Nguyễn Văn H, trú tại đường T, Phường X, thành phố V, thuê chiếc ghe mang số hiệu BV1099 để đi thu mua hải sản với giá 30 triệu đồng/1 tháng (K. nói với T. là 36 triệu đồng/1 tháng để hưởng chênh lệch 6 triệu đồng). Sau khi đã ký kết hợp đồng thuê ghe, V. biết được chiếc ghe phục vụ chuyến đi là thuê của gia đình H. (H. là bạn của gia đình V.) và nếu biết chiếc ghe được dùng để đi Newzealand, H. sẽ đến nhà V. đòi tiền. Do vậy, T. phải để lại một số tiền bằng một nửa giá trị ghe để trả cho H. và khi sang Newzealand làm có tiền sẽ góp lại trả đủ cho H. T. đồng ý và đưa 150 triệu đồng cho V, nhưng do kiểm đếm thiếu nên số tiền T. đưa cho V. chỉ có 149.200.000. V. đã chuyển số tiền này nhờ Nguyễn Thị Mỹ K. giữ dùm. Hiện số tiền đã được cơ quan điều tra thu giữ và gửi vào tài khoản tạm gửi tại Kho bạc nhà nước tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Sau khi thuê được ghe, T, K đã mua gỗ và thuê người lót ván ở đáy ghe để làm hầm đá, làm thêm nhà vệ sinh, mua dầu, máy định vị, lương thực, thực phẩm, nước ngọt, nước đá phục vụ chuyến đi. Khi đã chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để tổ chức đưa người trốn đi nước ngoài, T. và K. thống nhất tối 15/5/2016 sẽ xuất phát. Theo chỉ đạo của T, trưa ngày 15/5/2016, Tuấn K. thuê xe đón những người trú tại huyện C. và 05 người tại TP. HCM đang nghỉ tại huyện C. đến bờ biển P, huyện Đ. để tập kết và tổ chức cắm trại tại bờ biển giống như khách du lịch, chờ trời tối sẽ lên ghe xuất phát. Tuy nhiên, sau khi tổ chức cắm trại, gia đình K. có việc đột xuất nên chuyến đi được dời sang ngày 16/5/2016. Chiều 16/5/2016 khi ghe chuẩn bị xuất phát thì bị hỏng bánh lái, K. và T. phải mang bánh lái đi sửa tại cảng cá L, còn Tuấn K. đưa mọi người quay lại nhà nghỉ để chờ. Khoảng 20 giờ 18/5/2016, bánh lái được sửa xong, T. đã thông báo cho mọi người biết và thuê xe đến tập trung tại cảng cá L. Khoảng 18 giờ, ngày 18/5/2016, 21 người trên ghe do K. làm tài công xuất bến trốn sang Newzealand. Sau khoảng 20 ngày, ghe đến vùng biển của Australia thì bị bắt giữ. Ngày 16/6/2016, toàn bộ 21 người xuất cảnh trái phép bị chính phủ Australia trục xuất về Việt Nam.

Trong số 21 đối tượng tham gia chuyến đi nêu trên, có 14 đối tượng từ đủ 16 tuổi trở lên đã bị phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an TP. Hồ Chí Minh và Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xuất cảnh trái phép.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”. Theo đó: Nguyễn Giao T. và Nguyễn Tuấn K. bị truy tố theo điểm a khoản 3 Điều 349 Bộ luật hình sự

năm 2015 (“Đối với 11 người trở lên”); Vũ Tuấn K. bị truy tố theo điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự năm 2015 (“Đối với từ 05 người đến 10 người”); Huỳnh Thị Mỹ V. bị truy tố theo khoản 1 Điều 349 Bộ luật hình sự năm 2015.

Và đề nghị xử phạt: Nguyễn Giao T. từ 05 năm đến 06 năm tù;

Nguyễn Tuấn K. từ 04 năm đến 05 năm tù;

Vũ Tuấn K. từ 03 năm đến 04 năm tù;

Huỳnh Thị Mỹ V. từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng.

Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại và 16 giấy thông hành; tịch thu sung công 02 chiếc điện thoại và tịch thu sung công quỹ 149.200.000 đồng.

Các luật sư bào chữa cho các bị cáo đều căn cứ động cơ phạm tội của các bị cáo là do nghèo, không có việc làm nên ra nước ngoài chỉ là để tìm kiếm việc làm, kiếm tiền giúp đỡ gia đình; thật thà khai báo; phạm tội do lạc hậu; nhân thân tốt; phạm tội mà chưa gây thiệt hại để đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Luật sư Võ An Đôn, Nguyễn Khả Thành, Vũ Anh Thao cho rằng Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo Điều 349 BLHS năm 2015 là không đúng, bất lợi cho các bị cáo vì hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện trước ngày BLHS năm 2015 có hiệu lực và đề nghị áp dụng Điều 275 BLHS năm 1999 để xử phạt các bị cáo; luật sư Nguyễn Khả Thành dẫn khoản: Áp dụng Điều 349 BLHS năm 2015 thì có lợi cho bị cáo V. nhưng bất lợi cho 3 bị cáo khác, và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Qua tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nguyên tắc phân biệt tội nặng hơn-tội nhẹ hơn, và giữ nguyên quan điểm áp dụng Điều luật 349-BLHS năm 2015 là có lợi cho các bị cáo.

Qua kết quả điều tra công khai tại phiên tòa, qua tranh luận, bào chữa

### **XÉT THẤY**

Kết quả điều tra điều tra công khai tại phiên tòa phù hợp với kết quả điều tra trong giai đoạn điều tra, phù hợp với nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Theo đó, do biết Nguyễn Giao T. đã có lần vượt biển trái phép sang Australia, Huỳnh Thị Mỹ V. đã hỏi và sau đó gợi ý T. tổ chức người trốn đi nước ngoài. T. là người quyết định trốn đi Newzealand, vì T. biết Newzealand

còn tiếp nhận người xuất cảnh trái phép. V. là người động viên chồng là Nguyễn Tuấn K. tham gia vào chuyến đi; Vợ chồng V. lo phương tiện (ghe) vì rành nghề biển; T. là người móc nối với người có nhu cầu trốn đi nước ngoài để có chi phí cho chuyến đi. Thông qua Vũ Tuấn K, T. đã móc nối và thu của 05 người là Nguyễn Bảo S. và Phạm Thị T. (vợ S.) 220 triệu đồng; thu của Trần Như N. 110 triệu đồng; thu của Lê Thành L. và Nguyễn Bảo T. (bạn gái của L.) 50 triệu đồng. T. còn trực tiếp rủ và thu của Võ Văn L. 50 triệu đồng; thu của Trần Quốc P. 20 triệu đồng. Tổng cộng T. thu được là 450 triệu đồng. Trong số tiền đó, T. đưa cho V. giữ 150 triệu đồng để sau này trả lại cho chủ ghe, còn lại 300 triệu đồng T. dùng để trả tiền thuê ghe, sửa ghe, mua dầu và các vật dụng cần thiết cho chuyến đi.

Khoảng 18 giờ, ngày 18/5/2016, 21 người trên ghe do K. làm tài công xuất bến trốn sang Newzealand. Sau khoảng 20 ngày, ghe đến vùng biển của Australia thì bị bắt giữ. Ngày 16/6/2016, toàn bộ 21 người xuất cảnh trái phép bị chính phủ Australia trục xuất về Việt Nam.

Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thì thấy:

Nguyễn Giao T. và Huỳnh Thị Mỹ V. là người khởi xướng vụ tổ chức người khác trốn đi nước ngoài, và sau đó T. giữ vai trò là người tổ chức chủ yếu của chuyến đi. T. là người trực tiếp móc nối Vũ Tuấn K. và qua Tuấn K. để tổ chức đi và lấy tiền của 05 người; trực tiếp rủ rê và lấy tiền của 02 người; đồng ý cho Nguyễn Đoàn Trà M. tham gia chuyến đi; cho vợ chồng Tuấn K. và 02 người em vợ của Tuấn K. tham gia chuyến đi, và cho em ruột là Nguyễn Huy H. tham gia chuyến đi.

T. cũng là người quản lý số tiền thu được, trả tiền thuê ghe, trực tiếp mua sắm các vật dụng cần thiết cho chuyến đi... và giữ vai trò chính trong chuyến đi.

Nguyễn Tuấn K. ban đầu không đồng ý trốn đi nước ngoài theo gợi ý của vợ, nhưng sau đó đã tham gia và giữ vai trò tích cực: Tìm kiếm ghe để thuê, thỏa thuận giá cả và ký hợp đồng; trông coi quá trình sửa chữa ghe và làm tài công chính của chuyến đi. Gia đình K. ngoài hai vợ chồng còn có 02 con, 01 em và 01 cháu được tham gia chuyến đi mà không phải đóng góp gì.

Vũ Tuấn K. tham gia với vai trò giúp sức cho T. trong vụ án. Thông qua Tuấn K, T. rủ rê được 05 người tham gia. Tuấn K. cũng là người nhận tiền và giao lại tiền cho T; giúp T. đưa những người ở Thành phố HCM xuống L. để trốn đi nước ngoài. Vợ chồng Tuấn K. và 02 người em vợ Tuấn K. được tham gia chuyến đi mà không phải đóng góp gì.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, tổ chức số lượng lớn người trốn đi nước ngoài trái phép, xâm phạm trật tự quản lý hành chính của nhà nước, tiềm ẩn nguy cơ gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe của bản thân và của người khác. Xét cần có hình phạt nghiêm khắc để ngăn đe, phòng ngừa, giáo dục chung.

Tuy nhiên xét các bị cáo đều là dân lao động nghèo hoặc không có việc làm, động cơ trốn đi nước ngoài là để kiếm việc làm cho bản thân và người trong gia đình. Các bị cáo rủ rê được 07 người khác ngoài gia đình tham gia trốn đi là để có tiền chi phí cho chuyến đi chứ không phải nhằm thu lợi bất chính; đặc biệt, các bị cáo đều là dân lao động, ít hiểu biết, nên nhận thức về sự nguy hiểm của hành vi phạm tội rất hạn chế; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải. Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ này để quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Đối với Huỳnh Thị Mỹ V: Là người cùng T. khởi xướng cho chuyến đi nhưng với động cơ cùng gia đình được ra nước ngoài tìm kiếm việc làm. Sau đó, V. tham gia với vai trò hạn chế. V. có chồng là bị cáo Nguyễn Tuấn K. trong vụ án, và có 02 con (lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2004) còn phải nuôi dưỡng, nên xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Đối với Vũ Tuấn K: Với vai trò giúp sức cho bị cáo T, xuất phát từ mối quan hệ họ hàng và mong muốn được ra nước ngoài kiếm việc làm, K. đã giới thiệu cho T. 05 người là bạn bè của K. tham gia. Xét vai trò đồng phạm của bị cáo trong vụ án, xét nhân thân tốt của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải giam giữ mà cho bị cáo được hưởng án treo.

Về áp dụng pháp luật: Viện kiểm sát lấy số người từng bị cáo rủ rê, lôi kéo để truy tố theo các khoản tương ứng của điều luật 349 BLHS năm 2015 là không phù hợp. Với tư cách là những người tổ chức, các bị cáo T, K, V phải chịu trách nhiệm hình sự về toàn bộ số người được tổ chức trốn đi nước ngoài.

Theo cách so sánh tại các điểm từ điểm b1 đến điểm b6 Mục 2 và tại các điểm từ d1 đến điểm d6 Mục 3 Thông tư liên tịch số 02/2000/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BCA ngày 05/7/2000 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ Tư pháp-Bộ Công an hướng dẫn thi hành Điều 7 Bộ luật hình sự năm 1999 và Mục 2 Nghị quyết số 32/1999/QH10 ngày 21/12/1999 của Quốc Hội; theo hướng dẫn tại điểm 2 Mục II Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp các vấn đề về nghiệp vụ thì việc so sánh tội (Điều luật) nặng hơn - tội (Điều luật) nhẹ hơn phải so sánh bằng các Điều luật tương ứng quy định trong hai Bộ luật hình sự, chứ không phải bằng các khoản cụ thể trong các Điều luật tương ứng. Do đó, so sánh Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 349 Bộ luật



hình sự năm 2015 đều quy định về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”, thì Điều 349 BLHS năm 2015 có hình phạt tù cao nhất là 15 năm, là ĐIỀU LUẬT quy định một hình phạt nhẹ hơn so với Điều 275 BLHS năm 1999 có hình phạt tù cao nhất là 20 năm. Do đó, theo Khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015, Điều 349 BLHS năm 2015 được áp dụng để xử phạt các bị cáo như truy tố của Viện kiểm sát là phù hợp.

Tuy nhiên, Viện kiểm sát lấy số người được tổ chức trốn đi nước ngoài để truy tố theo các tình tiết định khung ở Khoản 2 và Khoản 3 Điều 349 là không phù hợp, vì căn cứ (số người) này không được quy định là tình tiết định khung ở Điều 275 BLHS năm 1999, do đó, nếu áp dụng Khoản 2 và Khoản 3 Điều 349 BLHS năm 2015 là bất lợi cho các bị cáo.

Các bị cáo cũng không có các tình tiết tăng nặng định khung được quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 275 BLHS năm 1999 là phạm tội nhiều lần, gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng.

Như vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc cấu thành cơ bản của cả 2 điều luật. Do đó, áp dụng Khoản 1 Điều 349 BLHS năm 2015 để xử phạt các bị cáo là phù hợp.

Về phần nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Về yêu cầu của anh Nguyễn Văn H. đòi các bị cáo Nguyễn Giao T. và Nguyễn Tuấn K. bồi thường giá trị chiếc ghe BV 1099 với giá 400 triệu đồng. Xét chiếc ghe đứng tên chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn T. (Anh ruột của anh H.). Theo lời khai của anh T. và anh H. thì chiếc ghe này thuộc sở hữu của 4 anh em nhà anh T. Do đó, giữa các đồng sở hữu và các bị cáo, gia đình các bị cáo có thể tự thỏa thuận, thương lượng bồi thường. Nếu không được, các đồng sở hữu chiếc ghe có quyền khởi kiện vụ án dân sự về yêu cầu đòi bồi thường theo thủ tục tố tụng dân sự để đảm bảo sự chặt chẽ về thủ tục tố tụng và quyền, nghĩa vụ của các bên.

Số tiền 149.200.000 đồng thu giữ của chị Nguyễn Thị Mỹ K, là tiền do Huỳnh Thị Mỹ V. nhận từ Nguyễn Giao T. với mục đích để trả lại một phần giá trị chiếc ghe cho anh Nguyễn Văn H, nguồn gốc số tiền này là do phạm tội mà có, nên tịch thu sung công quỹ.

Nguyễn Tuấn K. hưởng chênh lệch 06 triệu đồng từ việc thuê ghe của anh H, nguồn gốc số tiền này là do phạm tội mà có, nên buộc K. nộp lại sung công quỹ.

01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia, Model 1280 màu đen đã qua sử dụng kèm sim điện thoại của Nguyễn Giao T; 01 (Một) điện thoại di động hiệu FPT màu xám đã qua sử dụng của Huỳnh Thị Mỹ V – các tài sản này là tài sản cá nhân, đã cũ và không nhiều giá trị, nên trả lại cho các bị cáo.

16 (Mười sáu) giấy thông hành tịch thu tiêu hủy.

*Bởi các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH

*Về trách nhiệm hình sự:* Tuyên bố Nguyễn Giao T, Nguyễn Tuấn K, Vũ Tuấn K, Huỳnh Thị Mỹ V. phạm tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”.

Áp dụng khoản 1 Điều 349 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999; xử phạt:

**1. Nguyễn Giao T. 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/6/2016.**

**2. Nguyễn Tuấn K. 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/6/2016.**

Áp dụng khoản 1 Điều 349 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999; xử phạt:

**3. Vũ Tuấn K. 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo,** thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án (13/12/2016). Giao bị cáo cho UBND xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

**4. Huỳnh Thị Mỹ V. 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo,** thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án (13/12/2016). Giao bị cáo cho UBND thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

*Xử lý vật chứng:*

Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên xử:

1. Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 149.200.000 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm ngàn đồng) theo Giấy nộp tiền vào tài khoản số 3941.0.9048984 tại Kho bạc nhà nước tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ngày 20/6/2016 (BL.349);

2. Buộc Nguyễn Tuấn K. nộp lại 06 (sáu) triệu đồng sung công quỹ nhà nước;

3. Trả lại cho Nguyễn Giao T. 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia, Model 1280 màu đen đã qua sử dụng kèm sim điện thoại;

Trả lại cho Huỳnh Thị Mỹ V. 01 (Một) điện thoại di động hiệu FPT màu xám đã qua sử dụng;

Tiêu hủy 16 (Mười sáu) giấy thông hành.

Các tài sản, giấy tờ nêu trên Cục thi hành án dân sự tỉnh đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 06/BB-CTHA ngày 26/10/2016 (BL.386).

Giành quyền khởi kiện vụ án dân sự yêu cầu những người có nghĩa vụ phải bồi thường giá trị chiếc ghe BV 1099 cho anh Nguyễn Văn H. và các đồng sở hữu chiếc ghe.

*Án phí và quyền kháng cáo:*

Các bị cáo Nguyễn Giao T, Nguyễn Tuấn K, Vũ Tuấn K, Huỳnh Thị Mỹ V mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 13/12/2016, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc được niêm yết bản án theo quy định./.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN**

**HOÀNG THỊ LAN PHẠM VĂN HUỠNH**

**Nguyễn Văn Hiến**